



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 44 (15/5/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
THÀNH PHỐ		
25-4-2008	Chỉ thị số 12/2008/CT-UBND về tăng cường thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố.	3
26-4-2008	Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND về chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.	9
26-4-2008	Quyết định số 34/2008/QĐ-UBND về chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.	11
26-4-2008	Quyết định số 1836/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	13

-
- 26-4-2008 - Quyết định số 1837/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. 19
- 28-4-2008 - Quyết định số 1865/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố giai đoạn 2008 - 2010. 24
- 29-4-2008 - Quyết định số 1929/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2008. 32
- 05-5-2008 - Quyết định số 1980/QĐ-UBND về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. 38

THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2008/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2008

CHỈ THỊ

Về tăng cường thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2002; Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chỉ thị số 19/2005/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện, Quyết định số 80/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2006 - 2010; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị như sau:

1. Mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 19/2005/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện, Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quyết định số 80/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2006 - 2010. Trong đó, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

Đối với cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước:

- Thực hiện tiết kiệm ít nhất 10% mức tiêu thụ điện của cơ quan, đơn vị so với tháng cùng kỳ năm 2006 (đối với cơ quan, đơn vị đã thực hiện tiết kiệm 10% trong năm 2007) hoặc năm 2007 bằng các biện pháp:

- Tắt các thiết bị sử dụng điện không cần thiết khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc.

- Tăng cường sử dụng ánh sáng tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người

làm việc trong phòng giảm, hạn chế số lượng đèn chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sân, vườn, hàng rào.

- Hạn chế sử dụng máy điều hòa nhiệt độ, khi cần sử dụng chỉ để chế độ làm mát ở nhiệt độ từ 25°C trở lên.

- Ban hành quy định, quy chế sử dụng tiết kiệm điện trong phạm vi cơ quan, đơn vị, trong đó có đề ra chỉ tiêu cụ thể.

b) Đối với việc chiếu sáng công cộng:

- Các đơn vị quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng tổ chức thực hiện việc cắt giảm 50% số lượng đèn chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường phố, khu vực công cộng, công viên, trừ biển báo, đèn tín hiệu chỉ dẫn an toàn giao thông; điều chỉnh thời gian bật, tắt chiếu sáng công cộng hợp lý, đảm bảo không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trật tự an ninh công cộng của thành phố.

- Áp dụng hệ thống thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng khi mật độ giao thông giảm.

- Thay thế dần các loại đèn chiếu sáng có hiệu suất sử dụng thấp bằng loại đèn có hiệu suất sử dụng cao, tiết kiệm điện hơn.

c) Đối với hộ gia đình:

- Vận động các hộ gia đình hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện lớn (máy điều hòa nhiệt độ, máy nước nóng, bàn ủi điện, bếp điện...) trong giờ cao điểm từ 18g00 đến 22g00.

- Tắt các thiết bị điện, đèn chiếu sáng khi không có nhu cầu sử dụng.

- Thay thế dần các loại đèn chiếu sáng có hiệu suất sử dụng thấp nhất, là loại đèn tròn nung sáng bằng loại đèn tiết kiệm hơn (đèn huỳnh quang hiệu suất cao T8, T5 và đèn compact).

- Khuyến khích sử dụng bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời.

d) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ:

Các nhà hàng, cơ sở dịch vụ thương mại cắt giảm ít nhất 50% số lượng đèn quảng cáo - trang trí; hạn chế tối đa việc sử dụng đèn có công suất lớn để quảng cáo, trang trí; thay thế các loại đèn tròn nung sáng, có hiệu suất sử dụng thấp bằng loại đèn tiết kiệm điện hơn.

e) Đối với các doanh nghiệp:

- Sử dụng điện không vượt quá công suất và biểu đồ phụ tải đã ký kết trong hợp đồng mua bán điện.

- Tắt các thiết bị điện, đèn chiếu sáng khi không có nhu cầu sử dụng, nhất là trong thời gian nghỉ giữa ca sản xuất.

- Không để các thiết bị hoạt động ở chế độ không tải.

- Hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng đèn có công suất lớn để quảng cáo.

- Chuẩn bị các nguồn điện dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi xảy ra thiếu điện.

- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, nhất là sản xuất vào giờ thấp điểm từ 22g00 - 4g00 sáng ngày hôm sau để sử dụng điện với giá điện thấp, giảm chi phí sản xuất. Hạn chế việc huy động các thiết bị sử dụng điện công suất lớn vào giờ cao điểm.

- Ban hành quy định, quy chế hoặc giải pháp để sử dụng tiết kiệm điện trong phạm vi doanh nghiệp.

- Thực hiện kiểm toán năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tại đơn vị.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện trong địa bàn quản lý các việc sau đây:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương tiết kiệm điện cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

- Tổ chức thực hiện việc treo các băng rôn, pa nô cổ động, tuyên truyền tiết kiệm trong sử dụng điện tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, khu phố, tổ dân phố và tại các tuyến đường phố thuộc địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt đèn chiếu sáng công cộng dân lập hợp lý từ 18 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 5 giờ 30 phút ngày hôm sau.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng dân lập hàng năm, phối hợp với Điện lực khu vực gắn điện kế để đo đếm hệ thống đèn chiếu sáng dân lập nhằm quản lý việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc tăng cường quản lý việc sử dụng điện tại cơ quan mình. Ban hành quy định, quy chế hoặc giải pháp để sử dụng tiết kiệm điện tiết kiệm - hiệu quả trong phạm vi cơ quan. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị tiết kiệm điện và xem đây là tiêu chí xem xét khen thưởng cuối năm.

- Phối hợp với Điện lực khu vực tổ chức các đoàn kiểm tra, tập huấn công tác tiết kiệm điện cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tùy theo tình hình địa phương, có thể thành lập Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện cấp quận - huyện nhằm đẩy mạnh công tác tiết kiệm điện trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện công tác tiết kiệm trong sử dụng điện theo mẫu (do Sở Công nghiệp hướng dẫn) về Sở Công nghiệp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp với chính quyền cùng cấp và ngành điện tổ chức vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện việc tiết kiệm điện trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất, kinh doanh.

4. Giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thuộc các khu chế xuất, khu công nghiệp của thành phố thực hiện tiết kiệm điện trong sản xuất, kinh doanh;

- Thành lập đoàn kiểm tra việc sử dụng điện tại các khu công nghiệp, khu chế xuất theo các tiêu chí được quy định trong Chỉ thị này;

- Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện như đèn compact, máy nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời...;

- Tổ chức thực hiện kiểm toán năng lượng tại các doanh nghiệp sản xuất trong phạm vi quản lý;

- Ban hành quy định, quy chế hoặc giải pháp để sử dụng tiết kiệm điện tiết kiệm - hiệu quả trong phạm vi cơ quan.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện công tác tiết kiệm trong sử dụng điện theo mẫu (do Sở Công nghiệp hướng dẫn) về Sở Công nghiệp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Giao Sở Giao thông - Công chính chỉ đạo Công ty Chiếu sáng công cộng và Công ty Công viên cây xanh thành phố thực hiện việc cắt giảm 50% số lượng đèn chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường phố, khu vực công cộng, công viên...; kiểm tra, giám sát việc cắt giảm 50% số lượng đèn chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường phố, khu vực công cộng, công viên...; giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt chiếu sáng công cộng hợp lý, nhưng không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao

thông, trật tự an ninh công cộng, nghiên cứu áp dụng hệ thống thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng về đêm khi mật độ giao thông giảm.

6. Giao Sở Văn hóa và Thông tin kiểm tra, giám sát các công ty quảng cáo, các cơ sở dịch vụ cắt giảm 50% số lượng đèn quảng cáo - trang trí (pa nô, hộp đèn, trụ đèn...), hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng đèn quảng cáo có công suất lớn; giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt đèn quảng cáo - trang trí hợp lý từ 18 giờ 30 phút đến 23 giờ hàng ngày; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tuyên truyền các giải pháp tiết kiệm trong sử dụng điện.

7. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Công nghiệp, Công ty Điện lực thành phố tổ chức phổ biến, tuyên truyền việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả đối với tầng lớp học sinh, sinh viên.

8. Giao Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói nhân dân thành phố xây dựng và phát sóng các chương trình truyền hình, truyền thanh về tiết kiệm điện với thời lượng thích hợp bằng các hình thức: phóng sự, thông tin, tọa đàm, giới thiệu mô hình tiêu biểu...; phối hợp với Công ty Điện lực thành phố tổ chức tuyên truyền về tiết kiệm điện, trong đó hai Đài hỗ trợ chi phí phát thanh và truyền hình theo phương thức cố định, không tính chi phí quảng cáo.

9. Giao Công ty Điện lực thành phố chủ động phối hợp với Sở Công nghiệp và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp không thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong sử dụng điện; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tuyên truyền rộng rãi về các biện pháp tiết kiệm trong sử dụng điện, hợp lý và hiệu quả; định kỳ hàng tháng, báo cáo kết quả thực hiện việc tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố theo mẫu (do Sở Công nghiệp hướng dẫn) về Sở Công nghiệp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công thương. Tăng cường công tác quản lý trong kỹ thuật và trong kinh doanh, bố trí kế hoạch cải tạo lưới điện hợp lý, hạn chế sự cố và giảm tổn thất điện năng xuống không quá 7%, đảm bảo cung ứng điện ổn định, an toàn, ưu tiên cấp điện phục vụ sản xuất, kinh doanh đáp ứng được nhu cầu cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt thiết yếu của nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

10. Giao Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện thành phố - Thường trực là Sở Công nghiệp - chủ trì, phối hợp với các ban - ngành, quận - huyện tổ chức kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong sử dụng điện, lập danh sách các tổ chức, cơ quan, đơn vị không thực hiện nghiêm các biện pháp tiết kiệm

trong sử dụng điện, đánh giá kết quả và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm;

11. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố theo dõi kết quả thực hiện và chấp hành Chỉ thị này của các địa phương, đơn vị xem đây là một tiêu chí xem xét khen thưởng cuối năm.

12. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các Tổng Công ty trực thuộc thành phố, Giám đốc Công ty Điện lực thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Chỉ thị này, xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, quy định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian, phân công thực hiện; hàng tháng, quý có kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo theo quy định.

13. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Chỉ thị số 06/2007/CT-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của
Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Công văn số 317/UBND ngày 19 tháng 3 năm 2008 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 218/TTr-SNV ngày 09 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự của Tổ nghiệp vụ hành chính công, bảo đảm quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ hành chính của Ủy ban nhân dân và các phòng ban chuyên môn của quận hoạt động thông suốt có hiệu quả, thuận tiện cho tổ chức, công dân.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 32/2005/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Tổ nghiệp vụ hành chính công tại ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch ban nhân dân quận Tân Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của
Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tại Công văn số 500/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2008 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 226/TTr-SNV ngày 14 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chấm dứt thực hiện Đề án thí điểm hoạt động của Tổ nghiệp vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự của Tổ nghiệp vụ hành chính công, bảo đảm quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ hành chính của Ủy ban nhân dân và các phòng, ban chuyên môn của quận hoạt động thông suốt có hiệu quả, thuận tiện cho tổ chức, công dân.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 209/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Tổ nghiệp vụ hành chính công tại ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch ban nhân dân quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1836/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị
Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi,
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2006/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân huyện Củ Chi khóa IX, kỳ họp lần thứ 7, về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chung Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi;

Xét Tờ trình số 3053/TTr-SQHKT ngày 07 tháng 8 năm 2007 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

1.1. Vị trí khu đất quy hoạch nằm về phía Bắc Quốc lộ 22 thuộc một phần xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi. Các mặt giáp giới, như sau:

- Phía Đông Nam giáp ranh Khu Công nghiệp Hóa dược và viện, trường y tế.
- Phía Tây Bắc giáp một phần xã Phước Thạnh.
- Phía Tây Nam giáp Quốc lộ 22 (ranh đô thị Tây Bắc thành phố).
- Phía Bắc giáp kênh Quyết Thắng (ranh xã Trung Lập Hạ).

1.2. Quy mô, dân số nghiên cứu

- + Quy mô đất nghiên cứu quy hoạch: 343,35ha.
- + Dân số hiện trạng: 2.644 người (toàn xã 9.884 người).
- + Dân số dự kiến:
 - Năm 2010: khoảng 5.000 người.
 - Năm 2015: khoảng 12.600 người.
 - Năm 2020: khoảng 18.000 người.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Là trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ của khu dân cư xã Phước Hiệp và các khu kế cận.

Khu dân cư gồm các khu ở đô thị phục vụ các khu chức năng kế cận, khu ở tái định cư và dân cư mật độ thấp dạng nhà vườn kết hợp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và thủ công truyền thống. Vẫn còn một bộ phận dân cư hoạt động sản xuất nông nghiệp.

3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:

3.1. Đất ở:

- Đất ở đô thị: Khai thác dân cư dự kiến cạnh Quốc lộ 22, xây dựng nhà ở dạng chung cư 4 - 5 tầng, mật độ xây dựng 30 - 35% phục vụ dân cư công nghiệp.

- Đất ở bán đô thị (kết hợp nông thôn): Khu dân cư phía trong, khu tái định cư xây mới, mật độ xây dựng 15 - 20%, tầng cao xây dựng 1 - 2 tầng. Loại hình nhà ở là nhà vườn kết hợp kinh tế vườn và thủ công truyền thống.

3.2. Đất công trình công cộng:

- Khu trung tâm công cộng (gồm hành chính, y tế, văn hóa, thương mại - dịch vụ, giáo dục) dự kiến bố trí tập trung kết hợp với công viên cây xanh tại 2 khu ở.

- Các công trình công cộng (trường mầm non) bố trí theo nhóm nhà ở.

3.3. Khu cây xanh:

- Công viên công cộng bố trí kế cận khu trung tâm công cộng.
- Các vườn hoa trong nhóm nhà.

3.4. Đất sản xuất nông nghiệp:

- Khu vực phía Bắc là khu đất dự trữ phát triển, trong giai đoạn tới vẫn là đất sản xuất nông nghiệp.

- Khu ở bán đô thị phát triển thủ công truyền thống.

4. Cơ cấu phân bố sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

4.1. Cơ cấu phân bố sử dụng đất:

Diện tích khu quy hoạch	: 343,35ha
- Đất dân dụng	: 175 - 200 ha
+ Đất ở	: 110 - 125 ha
• Đất ở khu mật độ trung bình	: 70 - 75 ha
• Đất ở khu mật độ thấp (thủ công truyền thống)	: 40 - 60 ha
+ Đất công trình công cộng	: 11 - 14 ha
+ Đất cây xanh	: 17 - 20 ha
+ Đất giao thông đối nội	: 37 - 42 ha
- Đất ngoài dân dụng	: 140 - 165 ha
+ Đất giao thông đối ngoại	: 12 - 15 ha
+ Kênh rạch	: 8 - 10 ha
+ Đất dự trữ (nông nghiệp)	: 123,35 - 140 ha

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn khu quy hoạch	Trong đó:	
				Khu dân cư mật độ trung bình	Khu dân cư mật độ thấp
1	Quy mô dân số				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn khu quy hoạch	Trong đó:	
				Khu dân cư mật độ trung bình	Khu dân cư mật độ thấp
	- Năm 2010	người	5.000	2.000	3.000
	- Năm 2015	người	12.600	6.600	6.000
	- Năm 2020	người	18.000	10.000	8.000
2	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m ² /người	90 - 110		
	- Đất ở (thủ công truyền thống)	m ² /người		45 - 50	130 - 190
	- Đất công trình công cộng	m ² /người	6 - 8		
	- Đất cây xanh	m ² /người	9 - 12		
	- Đất giao thông đối nội	m ² /người	21 - 23		
3	Tầng cao xây dựng				
	- Tối thiểu	tầng		4	1
	- Tối đa	tầng		5	2
4	Mật độ xây dựng				
	- Dân cư	%		30 - 35	15 - 20
	- Công trình công cộng	%	25 - 30		
	- Công viên	%	5 - 10		
5	Chỉ tiêu cấp điện	kWh/người/năm		1.000	700
6	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ngày		150	150
7	Thoát nước bản	lít/người/ngày		150	150
8	Rác thải	kg/người/ngày		1	1

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

- Hoàn thiện trục đường đối ngoại, trong đó xem xét hình thành đường song hành nhằm phục vụ dân cư dọc trục.

- Xây dựng mới đường liên khu vực và nâng cấp mở rộng đường Ba Sa nối kết các khu chức năng chính của huyện và hoàn thiện các tuyến đường khu vực.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch chiều cao: chủ yếu chỉ san ủi tại chỗ và hoàn thiện mặt phủ khi xây dựng công trình. Với đất ruộng cần tôn cao $\geq 0,5\text{m}$.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống cống riêng cho thoát nước mưa.

+ Hướng thoát: tập trung về phía Bắc và Đông Nam (ra kênh Quyết Thắng), riêng hệ thống cống khu vực Tây Nam - giáp Quốc lộ 22 phải chui với kênh Đông đổ ra kênh Quyết Thắng.

5.3. Cấp điện:

- Nguồn điện: sẽ được tiếp tục cấp điện từ trạm 110/15-22kV Củ Chi.

- Lưới điện: Ngầm hóa dần lưới điện chiếu sáng đường phố, cải tạo và sử dụng lưới điện hiện có, tăng cường phát triển thêm lưới mới cho các khu dân cư phát triển mới.

5.4. Cấp nước:

Nguồn nước cấp: nước ngầm khai thác công nghiệp có xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.

5.5. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

+ Hệ thống thoát nước mưa và nước bản riêng, nước thải được tập trung về trạm xử lý cục bộ.

+ Rác thải được thu gom và đưa đi xử lý tập trung trong ngày.

Điều 2.

Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đề án quy hoạch chung xây dựng Khu trung tâm và dân cư xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi và trình duyệt theo quy định.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1837/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị
Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi,
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2006/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân huyện Củ Chi khóa IX, kỳ họp lần thứ 7, về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chung Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi;

Xét Tờ trình số 3463/TTr-SQHKT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

1.1. Vị trí khu đất quy hoạch nằm dọc theo đường Tỉnh lộ 7 và đường Trung Lập, thuộc địa phận 2 xã Trung Lập Thượng và Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi. Các mặt tiếp giáp, như sau:

- Phía Tây và Bắc: thuộc địa phận ấp Lào Táo Thượng và ấp Trung Bình của xã Trung Lập Thượng.

- Phía Đông và Nam: thuộc địa phận ấp Đồn và ấp Trung Hòa của xã Trung Lập Hạ.

1.2. Quy mô, dân số nghiên cứu:

+ Quy mô đất nghiên cứu quy hoạch: 166,80ha.

+ Dân số hiện trạng: 5.555 người, trong đó:

• Dân số thuộc xã Trung Lập Thượng: 3.427 người.

(gồm 2 ấp Trung Bình và ấp Lào Táo Thượng).

• Dân số thuộc xã Trung Lập Hạ: 2.128 người.

(gồm 2 ấp Trung Hòa và ấp Đồn).

+ Dân số dự kiến: 11.000 người:

• Đến năm 2010 : khoảng 6.100 người.

• Đến năm 2015 : khoảng 7.400 người.

• Đến năm 2020 : khoảng 11.000 người.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Chức năng chính của khu quy hoạch gồm khu ở và trung tâm dịch vụ công cộng thuộc khu thị tứ và cho liên xã.

3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:

3.1. Đất ở:

- Khu thị tứ Trung Lập được phân chia thành 2 khu ở:

+ Khu 1: gồm các khu vực nằm trong phạm vi 2 ấp Đồn và ấp Trung Hòa của xã Trung Lập Hạ, một phần ấp Lào Táo Thượng cạy theo Tỉnh lộ 7.

+ Khu 2: gồm các phần còn lại thuộc phạm vi 2 ấp Lào Táo Thượng và ấp Trung Bình của xã Trung Lập Thượng.

- Khu dân cư hiện hữu chính trang là các khu ở hiện hữu dọc theo trục đường Tỉnh lộ 7 và đường Trung Lập.

3.2. Đất công trình công cộng:

- Khu hành chính - giáo dục: tại khu vực trung tâm xã Trung Lập Thượng hiện hữu.
- Khu thương mại - dịch vụ: Chợ Trung Lập hiện hữu, sẽ được đầu tư phát triển trong giai đoạn 2 của quá trình quy hoạch (từ năm 2010).

3.3. Đất cây xanh:

- Khu văn hóa - giải trí kết hợp công viên cây xanh: phát triển tại khu đầm nước cạnh khuôn viên Trường Trung học phổ thông Trung Lập (xây dựng mới năm 2004).

3.4. Khu đất chuyển đổi chức năng:

Các khu đất canh tác năng suất thấp và nằm trong định hướng phát triển đô thị của thị tứ.

4. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2010 (2005-2010)	Năm 2015 (2011-2015)	Năm 2020 (2016-2020)
1	Tổng số dân (người)	6.100	7.400	11.000
2	Đất dân dụng (m ² /người)	55 - 67	62 - 77	80 - 88
3	Đất ở (m ² /người)	40 - 45	40 - 50	50 - 60
4	Đất công trình công cộng (m ² /người)	2 - 3	3 - 4	4 - 5
5	Đất công viên cây xanh (m ² /người)	1 - 5	5 - 8	12 - 15
6	Đất giao thông đối nội (m ² /người)	12 - 14	14 - 15	14 - 18
7	Tầng cao (tầng)			
	- Tối thiểu	1	1	1
	- Tối đa	3	3	4
8	Mật độ xây dựng (%)	20 - 30	20 - 30	20 - 30
	- Khu dân cư	30 - 40	30 - 40	30 - 40
	- Khu công trình công cộng	20 - 25	20 - 25	20 - 25
	- Khu công viên	8 - 12	8 - 12	8 - 12
9	Cấp điện (kWh/người.năm)	800	1.000	1.200
10	Cấp nước (lít/người.ngày)	100	120	150
11	Thoát nước bản (lít/người.ngày)	100	120	150
12	Rác thải (kg/người/ngày)	0,9	0,9	0,9

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

- Giữ nguyên lộ giới đã được duyệt đối với các tuyến khu vực.
- Nút giao thông là nút giao cùng mức.
- Mở các tuyến giao thông theo đường mòn sẵn có, hạn chế giải tỏa.
- Các cầu xây dựng mới cần thực hiện đúng khoảng thông thủy và bảo đảm hành lang an toàn cầu đúng theo các quy định hiện hành.

5.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- San nền cục bộ khi xây dựng công trình, đáp ứng yêu cầu thoát nước mặt cho khu vực.
- Thoát nước bằng hệ thống cống ngầm.
- Hướng thoát nước chính ra kênh Đức Lập và kênh Quyết Thắng.

5.3. Cấp nước:

- Phát triển hệ thống cấp nước đô thị, đảm bảo 90% dân sử dụng nguồn nước cấp tập trung.

5.4. Cấp điện:

Nguồn điện từ trạm 110/15-22kV Củ Chi hiện hữu và sẽ được bổ sung nguồn từ trạm 110/15-22kV Bầu Đưng dự kiến xây dựng.

5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Sử dụng hệ thống cống riêng, nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại trước khi xả ra cống riêng.
- Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra kênh Đức Lập.
- Rác thải được thu gom và đưa đi xử lý tập trung.

Điều 2.

Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đề án quy hoạch chung xây dựng Khu thị tứ Trung Lập, huyện Củ Chi và trình duyệt theo quy định.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân

huyện Củ Chi xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1865/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh
tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
của thành phố giai đoạn 2008 - 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Ban Thường vụ Thành ủy về quy hoạch và đào tạo cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Quyết định số 40/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 35/TTr-SNV ngày 11 tháng 01 năm 2008 về ban hành Quy chế tổ chức đào tạo bồi dưỡng, đào tạo tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố giai đoạn 2008 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố giai đoạn 2008 - 2010 .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh
tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
của thành phố giai đoạn 2008 - 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố giai đoạn 2008 - 2010 bằng nguồn ngân sách của thành phố và một phần kinh phí do Bộ Ngoại giao Singapore tài trợ, gồm:

1. Xây dựng kế hoạch cử cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước của thành phố đi bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore.
2. Quy định nội dung, chương trình, hình thức bồi dưỡng; quy trình tuyển chọn cử cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố đi bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore và công tác quản lý đoàn (lớp học) trong thời gian học tập ở Singapore.

Điều 2. Đối tượng

1. Cán bộ đương nhiệm và cán bộ dự bị các chức danh diện Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.
2. Cán bộ, công chức, viên chức trẻ, có triển vọng phát triển lâu dài hoặc có định hướng bố trí ở các vị trí có yêu cầu sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài hiện đang công tác tại các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể thành phố, các Sở - Ban - Ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị sự nghiệp, các tổng công ty, công ty thuộc thành phố và Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố (Sài Gòn Co-op).

Điều 3. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Có phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong quá trình học tập ở nước ngoài.

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế nhà nước có thời gian công tác ít nhất 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên hiện đang công tác ở các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể thành phố, các Sở - Ban - Ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị sự nghiệp, các tổng công ty, công ty thuộc thành phố và Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố (Sài Gòn Co-op).

3. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có ý thức phục vụ tổ chức, phục vụ nhân dân. Tuổi đời không quá 45 tuổi đối với nam và không quá 40 tuổi đối với nữ; có trình độ đại học và tiếng Anh trình độ B trở lên.

4. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi học khi đang trong thời gian xem xét kỷ luật, bị điều tra, kiểm tra và không đảm bảo sức khỏe để học tập.

Điều 4. Mục đích

1. Học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, khả năng sử dụng tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước của thành phố.

2. Trao đổi kinh nghiệm về quản lý nền hành chính nhà nước, quản lý của ngành, lĩnh vực và kinh nghiệm về hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Mở rộng tầm nhìn và sự hiểu biết cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước của thành phố để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Điều 5. Nguyên tắc cử cán bộ, công chức, viên chức đi học

1. Tuyển chọn và cử cán bộ, công chức, viên chức theo đúng đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quy chế này.

2. Đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực, công khai, dân chủ và tiết kiệm.

Chương II**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ HỢP ĐỒNG
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG****Điều 6. Về xây dựng kế hoạch**

1. Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ,

công chức, viên chức nhà nước giai đoạn 2008 - 2010 và các khoản chi phí khác cho các học viên tham dự khóa học trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Căn cứ vào kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, cân đối cấp kinh phí theo quy định.

Điều 7. Về hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng với Singapore

1. Hợp đồng bồi dưỡng tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố phải nêu rõ những cam kết của hai bên về hình thức, thời gian, nội dung, chương trình, kinh phí, điều kiện ăn, ở, học tập và các nội dung khác có liên quan... đồng thời phải đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực, công khai, dân chủ và tiết kiệm.

2. Giao Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ, Sở Tài chính chủ động liên hệ và xây dựng hợp đồng bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của thành phố theo đúng quy định. Ban Tổ chức Thành ủy trực tiếp ký hợp đồng bồi dưỡng tiếng Anh với phía Singapore và gửi về Thường trực Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố 01 (một) bản để quản lý, theo dõi.

Chương III **QUY TRÌNH XÉT TUYỂN** **VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

Điều 8. Quy trình xét tuyển

1. Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp với Sở Nội vụ thông báo chiêu sinh, lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị cử dự tuyển sau đó phối hợp với Sở Ngoại vụ tổ chức kiểm tra trình độ Anh văn theo quy định.

2. Hội đồng tuyển chọn thành phố tiến hành họp, thẩm định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ Anh văn và lập danh sách các ứng viên đạt yêu cầu chuyển Tổng Lãnh sự quán Singapore tại thành phố Hồ Chí Minh để xem xét, phỏng vấn;

3. Hội đồng tuyển chọn thảo luận và chốt danh sách lần cuối với Tổng Lãnh sự quán Singapore đối với số cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện đi học;

4. Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định danh sách cán bộ, công chức, viên chức đi học;

5. Sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Ngoại vụ tổ chức ôn tập tiếng Anh tại thành phố cho cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian 02 tháng;

6. Sở Ngoại vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ hoàn tất các thủ tục tiếp theo để cử cán bộ, công chức, viên chức đi học theo yêu cầu của phía bạn;

7. Hội đồng tuyển chọn thành phố tổ chức họp đoàn, giao nhiệm vụ, quản lý học viên và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập tại Singapore;

8. Sau khi khóa học kết thúc, Hội đồng tuyển chọn thành phố tổ chức tổng kết, báo cáo kết quả khóa học cho Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và đề xuất bố trí cán bộ, công chức, viên chức trở về đơn vị công tác.

Điều 9. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện đào tạo theo hình thức tập trung, tổng thời gian đào tạo là 8 tháng; trong đó có 02 tháng học tại thành phố và 06 tháng học tại Singapore.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI HỌC

Điều 10. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước sở tại và nội quy của các cơ sở đào tạo; phấn đấu học tập tốt, đoàn kết, giúp nhau trong học tập và trong sinh hoạt; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo trong thời gian học tập theo quy định.

Điều 11. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học là Đảng viên thực hiện sinh hoạt Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Đảng ủy ngoài nước.

Điều 12. Sau khi hoàn thành khóa học, cán bộ, công chức, viên chức phải chấp hành sự phân công, bố trí công tác của thành phố hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị cho phù hợp với năng lực thực tiễn và nhu cầu công tác.

Điều 13. Những trường hợp sau đây tùy theo tính chất, mức độ vi phạm Quy định này sẽ bị xử lý kỷ luật, bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật:

1. Trưởng đoàn thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra những hiện tượng tiêu cực và hoạt động của đoàn trong thời gian ở nước ngoài không đúng với mục đích của khóa học, về nước không chấp hành chế độ báo cáo theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng không chấp hành quy định của đoàn, bỏ học không lý do hoặc vi phạm nội quy của cơ sở đào tạo hoặc pháp luật của nước sở tại, về nước không đúng hạn (trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép).

3. Chưa phục vụ cơ quan nhà nước đúng quy định (thời gian yêu cầu phục vụ tối thiểu sau khi được đào tạo, bồi dưỡng được tính bằng gấp 3 lần thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng).

Chương V

KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 14. Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh tại Singapore từ nguồn tài trợ của Bộ Ngoại giao Singapore và ngân sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố, gồm các khoản cơ bản như sau:

1. Ngân sách đào tạo của thành phố: Chi phí thực hiện các thủ tục nhập học; học phí ôn tập tại thành phố (theo hợp đồng đào tạo); học phí, chi phí chỗ ở, bảo hiểm y tế (theo hợp đồng đào tạo); tiền ăn của học viên giai đoạn 2 tại Singapore (3 tháng); tiền vé máy bay khứ hồi Việt Nam - Singapore cho học viên và kinh phí hoạt động của Ban Điều hành chương trình.

2. Nguồn kinh phí tài trợ của Bộ Ngoại giao Singapore: chi phí giai đoạn 1 học tại Singapore (3 tháng) gồm: học phí, chi phí chỗ ở, ăn uống và sinh hoạt hàng ngày; chi phí vận chuyển đến các cơ quan tham quan; phí bảo hiểm nhập viện và bảo hiểm tai nạn cho các học viên trong suốt thời gian học ở Singapore.

Điều 15. Cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể, cơ quan hành chính, sự nghiệp được cử đi học được cấp toàn bộ kinh phí khóa học như các khoản nêu tại Điều 14; riêng đối với cán bộ, viên chức các tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố và Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố (Sài Gòn Co-op) được tuyển chọn đi học và do doanh nghiệp cấp kinh phí đào tạo (trừ kinh phí do Bộ Ngoại giao Singapore tài trợ).

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện các thủ tục pháp lý về việc cử cán bộ, công chức đi học và cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2 theo quy định.

Điều 17. Hội đồng tuyển chọn và Ban Điều hành chương trình gồm: đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ và Sở Ngoại vụ. Hội đồng tuyển chọn có nhiệm vụ phối hợp triển khai quy trình tuyển sinh; đề xuất danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp học trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định và tổ chức các lớp học theo đúng quy định của Quy chế này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Hội đồng tuyển chọn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung Quy chế thì Hội đồng tuyển chọn và Ban Điều hành chương trình có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất ý kiến trình Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1929/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão đối với các
doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2008**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế về thành lập và hoạt động của Quỹ Phòng, chống lụt, bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố tại Tờ trình số 72/TTr-PCLB ngày 10 tháng 4 năm 2008 về ban hành quyết định giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão năm 2008 cho các quận - huyện và Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố (đính kèm Bảng tổng hợp giao chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão năm 2008).

Điều 2. Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp hai phần vạn (2/10.000) trên tổng số vốn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng và được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông để nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão (theo khoản 2 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ). Giao Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố phát hành danh sách các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Các trường hợp được miễn, tạm hoãn đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão thực hiện theo quy định tại điểm g, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 7, Chương II, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ như sau:

1. Các đối tượng được miễn đóng góp: Các doanh nghiệp công ích và các hợp tác xã nông nghiệp.

2. Đối tượng được tạm hoãn đóng góp: Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế được miễn, giảm thuế doanh thu (nay là thuế giá trị gia tăng). Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 427/PCLB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều (nay là Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) và Văn bản số 4590/UB-CNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Các đối tượng doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh bị thua lỗ xin điều chỉnh (giảm) chỉ tiêu nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão, căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003 doanh nghiệp đó phải nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán cho cơ quan thu để trình cơ quan có thẩm quyền được quy định ở Điều 4 Quyết định này xem xét và quyết định.

Điều 4. Các trường hợp doanh nghiệp xin điều chỉnh mức thu và tạm hoãn đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão do bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, doanh nghiệp được cấp bù vốn hoạt động từ ngân sách, doanh nghiệp đã điều chỉnh (tăng - giảm) tổng vốn sản xuất - kinh doanh và các doanh nghiệp khác phân công trách nhiệm và ủy quyền như sau:

1. Đối với doanh nghiệp do Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) phụ trách thu, giao Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

2. Đối với doanh nghiệp do quận - huyện phụ trách thu, ủy quyền cho Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm thu, nộp và phân bổ Quỹ Phòng, chống lụt, bão

1. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện thu tiền đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn (vốn đầu tư trong nước), Hợp tác xã và tổng số tiền thu được phân bổ như sau:

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu.

b) 95% còn lại (quy thành 100%) được phân bổ như sau:

+ 40% nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở);

+ 60% nộp về Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố, số tài khoản: 942.90.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố, đơn vị nhận: Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố).

2. Giao Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố thu tiền đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão của công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn) và tổng số tiền thu được phân bổ như sau:

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu.

b) 95% còn lại nộp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố.

3. Về tài chính, kế toán:

Tổ chức, cá nhân thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Quy định cụ thể về chế độ báo cáo: báo cáo thu, nộp Quỹ trong 9 tháng đầu năm 2008; báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng Quỹ năm 2008.

Điều 6. Quy chế thực hiện, phân công phối hợp, trách nhiệm và thời gian hoàn thành

1. Việc thu Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải thực hiện Quy chế công khai tài chính kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính và thông báo công khai cho các doanh nghiệp biết. Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu đúng và thu đủ, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đóng góp của các doanh nghiệp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo quy định; kết quả thu và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão phải báo cáo về Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố.

2. Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn, theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình thu và sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thành phố, Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Sở Tư pháp thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện để tổ chức họp bàn biện pháp khắc phục tình trạng các doanh nghiệp có tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão.

3. Sở Tài chính thành phố: in và quản lý việc phát hành biên lai thu tiền theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính để thu tiền Quỹ Phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo các Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận - huyện thực hiện thu, nộp, sử dụng và lập báo cáo về Quỹ Phòng, chống lụt, bão quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

4. Quá trình tổ chức thu, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thống kê, lập danh sách các trường hợp không thu được ngoài các trường hợp đã quy định ở Điều 4 và khoản 2 Điều 7 Quyết định này liên hệ trực tiếp với Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố phối hợp xem xét, giải quyết. Ủy ban nhân dân các quận - huyện thống kê doanh nghiệp không thu được Quỹ (do đã giải thể, chuyển đổi địa chỉ, không tồn tại trên thực tế) và báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trước ngày 30 tháng 9 năm 2008; thống kê doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão và báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trước ngày 31 tháng 01 năm 2009.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Sở Tài chính thành phố và Cục Thuế thành phố, phối hợp thực hiện trách nhiệm được phân công tại Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Thời gian thực hiện và hoàn thành việc thu, nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão trong năm 2008 (riêng quyết toán chậm nhất là đến ngày 31 tháng 3 năm 2009).

Điều 7. Khen thưởng, xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ Phòng, chống lụt, bão được khen thưởng theo chế độ quy định của Nhà nước.

2. Doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ Phòng, chống lụt, bão theo quy định sẽ xử lý theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ. Thành phố quy định cụ thể như sau: sau ngày 15 tháng 11 năm 2008 cho phép Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề nghị cơ quan Ngân hàng cắt chuyển kinh phí từ tài khoản của doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ Quỹ vào tài khoản Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố hoặc quận - huyện.

3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão vi phạm các quy định của Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Về xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU - NỢP QUỸ PCLB ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG DOANH NGHIỆP NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Quận Huyện	Quận - Huyện phụ trách			VP Ban Chỉ huy PCLB thành phố phụ trách			Tổng số DN	Tổng tỉ lệ 2/10.000 (đồng)	Tổng số tiền đóng Quỹ (đồng)
		Số DN	Tỉ lệ 2/10.000	Số tiền đóng Quỹ	Số DN	Tỉ lệ 2/10.000	Số tiền đóng Quỹ			
1	Quận 01	4.041	3.474.357.975	1.969.669.000	1.419	25.962.682.291	3.212.362.000	5.460	29.437.040.266	5.182.031.000
2	Quận 02	820	574.726.902	356.250.000	209	1.342.667.584	332.038.000	1.029	1.917.394.486	688.288.000
3	Quận 3	2.736	2.158.619.415	1.192.334.000	728	11.479.570.955	1.301.060.000	3.464	13.638.190.370	2.493.394.000
4	Quận 4	970	305.341.651	291.531.000	222	853.959.315	342.267.000	1.192	1.159.300.966	633.798.000
5	Quận 5	2.373	1.049.389.524	792.669.000	325	3.226.486.512	484.901.000	2.698	4.275.876.036	1.277.570.000
6	Quận 6	1.685	636.816.923	521.723.000	187	367.489.065	227.308.000	1.872	1.004.305.988	749.031.000
7	Quận 7	1.555	856.537.112	650.667.000	462	4.277.272.674	1.031.972.000	2.017	5.133.809.786	1.682.639.000
8	Quận 8	1.526	531.652.091	478.389.000	190	386.204.200	233.832.000	1.716	917.856.291	712.221.000
9	Quận 9	1.027	388.388.327	323.788.000	220	2.150.810.931	299.836.000	1.247	2.539.199.258	623.624.000
10	Quận 10	2.462	899.287.807	793.760.000	449	1.344.913.130	547.461.000	2.911	2.244.200.937	1.341.221.000
11	Quận 11	1.790	943.930.564	650.794.000	217	671.177.722	245.356.000	2.007	1.615.108.286	896.150.000
12	Quận 12	1.868	814.173.495	653.284.000	360	933.653.679	395.482.000	2.228	1.747.827.174	1.048.766.000
13	Q. Bình Tân	2.741	1.891.627.630	1.234.675.000	419	2.115.871.814	723.158.000	3.160	4.007.499.444	1.957.833.000
14	Q. Bình Thạnh	3.999	1.170.345.203	1.011.024.000	951	2.694.700.091	1.155.951.000	4.950	3.865.045.294	2.166.975.000
15	Q. Gò Vấp	3.871	1.083.030.083	990.498.000	480	1.149.373.066	446.641.000	4.351	2.232.403.149	1.437.139.000
16	Q. Phú Nhuận	2.403	1.283.617.474	800.437.000	549	5.204.275.458	650.385.000	2.952	6.487.892.932	1.450.822.000
17	Q. Tân Bình	5.544	2.243.444.502	1.880.180.000	1.055	3.997.295.219	1.243.655.000	6.599	6.240.739.721	3.123.835.000
18	Q. Tân Phú	3.564	1.165.813.126	1.018.862.000	473	1.095.863.888	564.511.000	4.037	2.261.677.014	1.583.373.000
19	Q. Thủ Đức	1.444	611.770.629	503.864.000	354	1.845.369.038	631.576.000	1.798	2.457.139.667	1.135.440.000
20	H. Bình Chánh	1.271	1.249.227.839	670.877.000	180	568.740.328	295.765.000	1.451	1.817.968.167	966.642.000
21	H. Cần Giờ	69	32.042.000	32.042.000	8	42.100.000	15.100.000	77	74.142.000	47.142.000
22	H. Củ Chi	606	241.592.857	239.392.000	104	441.119.291	225.256.000	710	682.712.148	464.648.000
23	H. Hóc Môn	827	316.408.506	301.665.000	125	222.086.711	175.513.000	952	538.495.217	477.178.000
24	H. Nhà Bè	205	121.750.020	102.151.000	36	1.059.951.020	82.631.000	241	1.181.701.040	184.782.000
	Tổng cộng	49.397	24.043.891.655	17.460.525.000	9.722	73.433.633.982	14.864.017.000	59.119	97.477.525.637	32.324.542.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1980/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6191/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2005;

Theo Nghị quyết số 48/2006/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận Tân Phú về thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1071/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 3 năm 2008 về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú, kèm hồ sơ phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập quy hoạch chi tiết).

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

1.1. Vị trí, ranh giới: Quận Tân Phú nằm về phía Tây của nội thành thành phố Hồ Chí Minh, các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông : giáp quận Tân Bình;
- Phía Tây : giáp quận Bình Tân;
- Phía Nam : giáp quận 6, quận 11;
- Phía Bắc : giáp quận 12.

1.2. Quy mô nghiên cứu:

- Diện tích tự nhiên của quận Tân Bình là: **1.606,98ha**.
- Dự kiến dân số trong các giai đoạn phát triển như sau:
 - * Hiện trạng 2004 : 347.483 người
 - * Đến năm 2010 : 385.000 người
 - * Đến năm 2015 : 429.000 người
 - * Đến năm 2020 : 465.000 người.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:**Cơ cấu kinh tế của quận:**

Mục tiêu phát triển kinh tế của quận được định hướng như sau:

- Giai đoạn trước mắt: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại - dịch vụ.
- Giai đoạn lâu dài: thương mại - dịch vụ - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Chức năng đô thị của quận:

- Khu ở đô thị: gồm khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp xen cài xây dựng một số khu dân cư mới.
- Trung tâm dịch vụ cấp vùng, thành phố và quận bao gồm các công trình công cộng cấp thành phố, quận và khu ở.

3. Định hướng phát triển không gian:

3.1. Phân bố dân cư:

Việc phân bố dân cư trên địa bàn quận Tân Phú chia thành 4 cụm tập trung như sau:

+ Cụm dân cư 1: Bao gồm phường Tây Thạnh và phường Sơn Kỳ.

Khu dân cư xây dựng mới kết hợp với hiện hữu cải tạo xây chen. Khu vực này có phần lớn diện tích đất nằm trong vùng cát hạ cánh của sân bay Tân Sơn Nhất phải có chiều cao nằm dưới mặt phẳng an toàn tĩnh không. Các công trình nằm trong khu vực mặt phẳng nằm ngang vùng cát hạ cánh có chiều cao công trình nhỏ hơn 45m.

- Diện tích: **568,73ha**.

- Quy mô dân số:

* Hiện trạng năm 2004 : 58.621 người

* Giai đoạn đến năm 2020 : 70.000 người

* Giai đoạn đến năm 2015 : 65.000 người

* Giai đoạn đến năm 2010 : 60.000 người.

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

* Tầng cao xây dựng: 1 - 12 tầng.

* Mật độ xây dựng: 35%.

- Trung tâm thương mại dịch vụ dự kiến sẽ xây dựng tại khu vực vườn rau Tân Thắng hiện nay, khu phức hợp tại đường Trường Chinh và các công trình dịch vụ đa dạng và có quy mô khác nhau dọc đường Trường Chinh, Tân Kỳ - Tân Quý, Lê Trọng Tấn và đường Tây Thạnh. Khu phức hợp cây xanh - thể dục thể thao có quy mô phục vụ chung cho nhu cầu của quận dự kiến sẽ xây dựng tại cụm dân cư này.

+ Cụm dân cư 2: bao gồm phường Tân Sơn Nhì, phường Tân Quý và phường Tân Thành.

- Diện tích: **390,8ha**.

- Quy mô dân số:

* Hiện trạng năm 2004 : 108.425 người.

* Giai đoạn đến năm 2020 : 145.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2015 : 134.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2010 : 121.000 người.

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

* Tầng cao xây dựng: 3 - 12 tầng.

* Mật độ xây dựng: 45%

- Chức năng là trung tâm thương mại dịch vụ (tại khu vực đất của nhà máy dệt Đông Phương và Đông Nam hiện nay) và khu dân cư hiện hữu cải tạo, xây chen.

+ Cụm dân cư 3: bao gồm phường Phú Thọ Hòa và phường Phú Thạnh.

- Diện tích: **237,32ha**.

- Quy mô dân số:

* Hiện trạng năm 2004 : 65.197 người.

* Giai đoạn đến năm 2020 : 80.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2015 : 75.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2010 : 70.000 người.

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

* Tầng cao xây dựng: 3 - 18 tầng.

* Mật độ xây dựng: 40%.

- Trung tâm thương mại dịch vụ (khu vực dự án của Vikamex). Khu dân cư hiện hữu cải tạo và xây chen. Khu vực này có một số dự án xây dựng nhà ở cao tầng.

+ Cụm dân cư 4: bao gồm phường Hòa Thạnh, phường Phú Trung, phường Hiệp Tân và phường Tân Thới Hòa.

- Diện tích: **410,3ha**.

- Quy mô dân số:

* Hiện trạng năm 2004 : 115.240 người.

* Giai đoạn đến năm 2020 : 170.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2015 : 155.000 người.

* Giai đoạn đến năm 2010 : 134.000 người.

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

* Tầng cao xây dựng: 3 - 18 tầng.

* Mật độ xây dựng: 40%.

- Chức năng chính là khu trung tâm hành chính quận, khu trung tâm thương mại dịch vụ, khu dân cư hiện hữu và một số khu dân cư xây dựng mới dạng chung cư cao tầng.

3.2. Trung tâm hành chính quận:

Trung tâm hành chính và các cơ quan đoàn thể quận được bố trí tại phường Hòa Thạnh với quy mô diện tích đất 1,66ha. Mỗi phường đều có khu hành chính và các công trình công cộng phúc lợi cần thiết.

3.2.1. Trung tâm thương mại dịch vụ:

Công trình thương mại dịch vụ cho nhu cầu chuyển đổi kinh tế và phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Trước mắt tận dụng các cơ sở đã có và từng bước hoàn thiện đủ điều kiện phục vụ cho nhu cầu của người dân. Định hướng lâu dài tập trung hoàn thiện các cụm công trình thương mại dịch vụ trong 12 khu phức hợp đa năng đã được bố trí trong quy hoạch sử dụng đất ở 3 giai đoạn phát triển.

3.2.2. Hệ thống công trình y tế:

Mỗi phường phải có trạm y tế cơ sở, để chăm lo sức khỏe cho người dân. Các trung tâm y tế trong các khu phức hợp được quy hoạch theo hướng có quy mô và năng lực theo dõi chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho mọi người dân.

Ngoài ra, dự kiến bố trí xây dựng Bệnh viện quận Tân Phú tại khu phức hợp dọc đường Trường Chinh với quy mô diện tích đất khoảng 2ha trở lên.

3.2.3. Công trình giáo dục:

Mỗi phường đều có bố trí trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo đủ quy mô và bán kính phục vụ.

Hệ thống trường trung học phổ thông cân đối chung trên địa bàn quận, bảo đảm đủ chỗ cho tất cả học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông.

3.2.4. Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao và công viên cây xanh:

Khu công viên tập trung Tân Thắng tại phường Sơn Kỳ, công viên thể dục thể thao Phú Trung, sân banh Tây Thạnh.

Chỉnh trang nâng cấp các công viên cây xanh hiện hữu trong các khu dân cư hiện hữu.

Một số công viên mới sẽ được hình thành từ giải pháp khoét lõm hoặc di dời các nhà xưởng ô nhiễm.

Do quỹ đất có hạn nên quy hoạch sử dụng đất cho khoảng xanh đô thị và nhu cầu thể dục thể thao cũng như các hoạt động văn hóa khác nhau của người dân được kết hợp trong các khu chức năng, khu đa năng văn hóa - thể dục thể thao - cây xanh - dịch vụ vui chơi giải trí.

3.3. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Không phát triển thêm các cơ sở sản xuất công nghiệp, chỉ giữ lại cụm công nghiệp Tân Bình phù hợp theo quy mô xác định theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và có tính đến năm 2025.

- Các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện hữu không gây ô nhiễm môi trường còn xen cài trong khu dân cư sẽ chuyển đổi sản xuất sản phẩm chất lượng cao. Về lâu dài sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất các cơ sở sản xuất sang các khu phức hợp nhằm tạo quỹ đất để xây dựng các công trình công cộng.

4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2010:

4.1.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Diện tích đất tự nhiên của quận Tân Phú là **1.606,98ha**, chia ra:

+ Đất dân dụng: 974,91ha, chiếm tỷ lệ 60,67%.

- Đất ở: 662,3ha, chiếm tỷ lệ 41,21%;

- Đất công trình công cộng: 99,9ha, chiếm tỷ lệ 6,22%;

- Đất cây xanh - thể dục thể thao: 15,87ha, chiếm tỷ lệ 0,99%;

- Đất giao thông: 196,8ha, chiếm tỷ lệ 12,25%.

+ Đất ngoài dân dụng: 632,07ha, chiếm tỷ lệ 39,33%:

- Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp : 207ha

- Đất giao thông đối ngoại : 13,6ha

- Đất tôn giáo : 11,35ha

- Đất sông rạch : 9,08ha

- Đất khác (quân sự, kho...) : 390,24ha

4.1.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

+ Đất đô thị	: 41,74 m ² /người
+ Đất dân dụng	: 25,32 m ² /người
- Đất ở	: 17,2 m ² /người
- Đất công trình công cộng	: 2,6 m ² /người
- Đất công viên cây xanh	: 0,41 m ² /người
- Đất giao thông	: 5,11 m ² /người
+ Đất ngoài dân dụng	: 16,42 m ² /người
+ quy mô dân số	: 385.000 người
+ Mật độ xây dựng	: 35 - 45%

+ Tầng cao xây dựng: cao nhất 18 tầng (tùy theo vị trí xây dựng để phù hợp với yêu cầu đảm bảo tĩnh không của sân bay Tân Sơn Nhất).

4.2. Giai đoạn từ 2010 - 2015:

4.2.1. Cơ cấu sử dụng đất:

+ Đất dân dụng: 1.102,35ha, chiếm tỷ lệ 68,6%	
- Đất ở: 716,9ha, chiếm tỷ lệ 44,61%;	
- Đất công trình công cộng: 103,6ha, chiếm tỷ lệ 6,45%;	
- Đất công viên cây xanh: 32,42ha, chiếm tỷ lệ 2,01%;	
- Đất giao thông: 249,4ha, chiếm tỷ lệ 15,52%.	
+ Đất ngoài dân dụng: 504,63ha, chiếm tỷ lệ 31,4%	
- Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	: 171,7ha
- Đất giao thông đối ngoại	: 31,86ha
- Đất tôn giáo	: 11,35ha
- Đất sông rạch	: 9,08ha
- Đất khác (kho bãi, quân sự...)	: 280,64ha

4.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

+ Đất đô thị	: 37,46 m ² /người
+ Đất dân dụng	: 25,7 m ² /người
- Đất ở	: 16,71 m ² /người

- Đất công trình công cộng	: 2,41 m ² /người
- Đất công viên cây xanh	: 0,76 m ² /người
- Đất giao thông	: 5,82 m ² /người
+ Đất ngoài dân dụng	: 11,76 m ² /người
+ Quy mô dân số	: 429.000 người
+ Mật độ xây dựng	: 35 - 45%

+ Tầng cao xây dựng: cao nhất 18 tầng (tùy theo vị trí xây dựng để phù hợp với yêu cầu đảm bảo tĩnh không của sân bay Tân Sơn Nhất).

4.3. Giai đoạn từ 2015 - 2020:

4.3.1. Cơ cấu sử dụng đất:

+ Đất dân dụng: 1.378,83ha, chiếm tỷ lệ 85,8%	
- Đất ở: 760,09ha, chiếm tỷ lệ 47,3%;	
- Đất công trình công cộng: 205,69ha, chiếm tỷ lệ 12,8%;	
- Đất công viên cây xanh: 76,42ha, chiếm tỷ lệ 4,76%;	
- Đất giao thông: 336,6ha, chiếm tỷ lệ 20,94%.	
+ Đất ngoài dân dụng: 228,15ha, chiếm tỷ lệ 14,2%	
- Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	: 162,8ha
- Đất giao thông đối ngoại	: 31,86ha
- Đất tôn giá	: 11,35ha
- Đất sông rạch	: 9,08ha
- Đất khác	: 13,06ha

4.3.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

+ Đất đô thị	: 34,56 m ² /người
+ Đất dân dụng	: 29,65 m ² /người
- Đất ở	: 16,35 m ² /người
- Đất công trình công cộng	: 4,42 m ² /người
- Đất công viên cây xanh	: 1,64 m ² /người
- Đất giao thông	: 7,24 m ² /người

+ Đất ngoài dân dụng : 4,91 m²/người

+ Quy mô dân số : 465.000 người

+ Mật độ xây dựng : 35 - 45%

+ Tầng cao xây dựng: cao nhất 18 tầng (tùy theo vị trí xây dựng để phù hợp với yêu cầu đảm bảo tĩnh không của sân bay Tân Sơn Nhất).

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch giao thông:

+ Việc tổ chức giao thông theo hướng cải tạo mở rộng theo đúng lộ giới quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.

+ Xây dựng và cải tạo các nút giao thông tại các vị trí giao cắt trực đường đối ngoại với các tuyến đường chính khác giảm gián đoạn lưu lượng xe qua lại và đảm bảo an toàn.

+ Theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020, thống nhất xây dựng mới tuyến xe điện ngầm:

- Tuyến xe điện ngầm số 6 đi dưới hành lang đường Lũy Bán Bích, Âu Cơ (trong ranh địa bàn quận Tân Phú).

- Tuyến xe điện ngầm số 2 đi dưới hành lang đường Trường Chinh (trong ranh địa bàn quận Tân Phú).

+ Giao thông công cộng: hệ thống giao thông công cộng chủ yếu sử dụng hai loại hình giao thông hệ thống xe buýt và xe điện ngầm.

+ Bãi đậu xe khu vực dự kiến xây dựng tại các vị trí khu phức hợp và công viên Tân Thắng.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

*** Quy hoạch chiều cao (san nền):**

+ Cải tạo, hoàn thiện nền xây dựng của khu vực theo nguyên tắc bám sát cao độ nền tự nhiên hiện trạng, riêng khu vực ven kênh Tham Lương - Bến Cát và kênh Tân Hóa - Lò Gốm (có cao độ tự nhiên < 2,00m) đề nghị cải tạo nâng dần nền xây dựng.

+ Cao độ nền không chế chung cho toàn bộ khu vực: $H_{xd} \geq 2,10m$ - Hệ cao độ VN 2000, trong đó:

- Khu vực chịu ảnh hưởng của kênh Tham Lương: $H_{xd} \geq 2,10m$.
 - Khu vực chịu ảnh hưởng của kênh Tân Hóa: $H_{xd} \geq 2,36m$.
- + Cao độ nền thiết kế tại các điểm giao cắt đường (thể hiện trong bản vẽ) được sơ bộ tính cho phần mép đường thấp nhất.
- * Quy hoạch thoát nước mưa:
- + Cải tạo, nạo vét và xây dựng kè bảo vệ cho các trục tiêu thoát nước chính cấp 1 gồm:
- Kênh Tân Hóa - Lò Gốm: cải tạo, mở rộng kênh theo kích thước đề xuất của Dự án cải thiện hệ thống thoát nước kênh Tân Hóa - Lò Gốm.
 - Kênh Tham Lương - Bến Cát: kiến nghị cải tạo mở rộng dần đoạn qua Tân Phú từ 20m lên 30,6m.
 - Kênh Nước Đen: kiến nghị thay thế bằng tuyến cống hộp kích thước đoạn từ đường Độc Lập đến đường Tân Hương là B2 (2.500 x 2.500)mm, từ đường Tân Hương đến Lê Thúc Hoạch là B2 (3.600 x 2.500)mm, đoạn còn lại về phía quận Bình Tân là B2 (4.000 x 2.500)mm.
 - Kênh Hiền Vương và kênh Hiệp Tân giữ nguyên kích thước hiện trạng. Cải tạo, kè bờ bảo vệ rạch Bến Trâu.
- + Tổ chức lại mạng lưới thoát nước hiện trạng và xây dựng mới các tuyến cống theo nguyên tắc: Sử dụng mạng lưới thoát nước chung có hệ thống phân tách nước bản phía cuối nguồn xả, giữ lại các tuyến cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực, xây dựng mới các tuyến cống chính có tính hệ thống theo các lưu vực thoát nước tổng thể.
- + Hướng thoát nước: tổ chức các tuyến cống tập trung theo 2 lưu vực thoát nước kênh Tân Hóa - Lò Gốm và lưu vực kênh Tham Lương - Bến Cát:
- Lưu vực kênh Tân Hóa - Lò Gốm:
 - Lắp đặt các tuyến cống chính cấp 2, 3 với kích thước từ B2.000 x 1.500mm đến 2 (2.500 x 2.000)mm dọc các trục đường Lũy Bán Bích, Khuông Việt, Âu Cơ, Huỳnh Thiện Lộc, Trịnh Đình Thảo, Hòa Bình (theo đề xuất của Dự án thoát nước kênh Tân Hóa - Lò Gốm).
 - Tổ chức tuyến cống chính kích thước từ Ø 1.200mm đến B2 (2.000 x 1.500)mm trên trục đường Thạch Lam, đường Kênh Hiệp Tân để thoát xả ra kênh Hiệp Tân.
 - Lưu vực kênh Tham Lương - Bến Cát:

· Kiến nghị lắp đặt mới các tuyến cống chính dọc đường Lê Trọng Tấn, Trường Chinh, Tây Thạnh, đường Bình Long, đường Bờ Bao để dẫn xả ra kênh 19/5 qua 9 cửa xả kích thước từ B1.400 x 1.600mm đến B2.000 x 2.000mm.

· Xây dựng mới tuyến cống hộp B2 (2.500 x 2.000)mm dọc trục Tân Kỳ - Tân Quý dẫn xả về kênh Tham Lương.

· Tổ chức các tuyến cống chính kích thước từ B1.400 x 1.600mm đến B2 (3.000 x 2.500)mm dọc các trục đường Tân Quý, Gò Dầu, Tân Sơn Nhì, Độc Lập, Thống Nhất, đường Vườn Lài. Các tuyến trên được tập trung thoát xả ra cống hộp kênh Nước Đen.

+ Tính toán lưu lượng thoát nước theo phương pháp cường độ mưa giới hạn, trong đó lựa chọn chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm với cống cấp 2 và $T = 2$ năm với cống cấp 3 và cấp 4.

+ Thông số kỹ thuật mạng lưới:

• Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn hoặc cống hộp bê tông cốt thép đặt ngầm.

• Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c = 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

- Lưu ý:

+ Với những tuyến cống chính thuộc lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm đề nghị quản lý theo những số liệu cụ thể đã xác định trong Dự án thoát nước kênh Tân Hóa - Lò Gốm được phê duyệt.

+ Khu Công nghiệp Tân Bình: tổ chức xây dựng và đầu tư theo những chỉ tiêu và định hướng nền, thoát nước theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt.

+ Với hệ thống cống cấp khu vực (cấp 3 và 4): trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo đề nghị có những nghiên cứu điều chỉnh cụ thể, phù hợp với điều kiện hiện trạng thực tế và đảm bảo các yêu cầu về luận chứng kinh tế, kỹ thuật.

+ Cao độ không chế trong đồ án trên sẽ thay thế cho Quy hoạch cốt san nền được phê duyệt theo Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

5.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện:

- Cấp điện sinh hoạt: $1000 \div 2500$ kWh/người/năm.
- Ngoài dân dụng: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: $300 \div 350$ kW/ha.

+ Nguồn cấp điện cho quận Tân Phú sẽ được tiếp tục lấy từ các trạm trung gian 110/15-22kV hiện hữu: Tân Bình 1 và Bà Queo. Xây dựng mới 2 trạm trung gian 110/15-22kV Tân Bình 2 (3 x 63MVA) và Tân Bình 3 (2 x 63MVA).

+ Trạm biến thế phân phối 15-22/0,4kV xây dựng mới kiểu trạm phòng, đảm bảo bán kính phục vụ cấp điện ≤ 200 m. Các trạm hiện hữu loại trạm giàn, treo trên trụ không phù hợp và không đảm bảo an toàn sẽ được tháo dỡ và thay dần bằng loại trạm cột (trạm đơn thân), trạm kiosk.

+ Mạng lưới phân phối quy hoạch cấp điện phù hợp:

- Lưới trung thế điện áp 22kV được xây dựng theo cấu trúc mạch vòng vận hành hở, mỗi tuyến chính có tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$.

- Lưới điện hiện hữu sẽ được thay thế dần bằng cáp ngầm đồng bộ với việc cải tạo trong đô thị.

- Đèn chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp công suất phù hợp và tiết kiệm hiệu quả năng lượng, gắn trên trụ thép tráng kẽm, lưới cấp điện được xây dựng ngầm.

- Lưu ý: Trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn quận Tân Phú cần cập nhật các chi tiết theo Đồ án quy hoạch phát triển điện lực quận Tân Phú đang trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để có cơ sở quản lý tốt hơn.

5.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn cấp nước: hiện nay quận Tân Phú đã có mạng lưới cấp nước của thành phố. Nguồn nước lấy từ Nhà máy nước ngầm Hóc Môn, Thủ Đức, sông Sài Gòn giai đoạn I, II.

+ Chỉ tiêu, thông số kỹ thuật cấp nước:

- Cấp nước sinh hoạt: 180 - 200 lít/người/ngày.
- Cấp nước dịch vụ công cộng: 40 lít/người/ngày.
- Cấp nước vãng lai: 35 lít/người/ngày.
- Cấp nước công nghiệp tập trung: $50 \text{ m}^3/\text{ha}/\text{ngày}$.
- Cấp nước tiểu thủ công nghiệp: 15 - 18 lít/người/ngày.
- Cấp nước phục vụ tưới cây, rửa đường: 18 - 20 lít/người/ngày.

- Cấp nước chữa cháy 80 lít/s/1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 3 đám cháy.

- Tổng lưu lượng nước cấp lớn nhất toàn khu: $Q_{\max 2010} = 138.780 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và $Q_{\max 2020} = 221.085 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Phương án cấp nước:

- Thiết kế mạng lưới cấp nước trong khu quy hoạch: sử dụng các tuyến ống cấp I hiện trạng. Xây mới tuyến ống cấp I $\text{Ø}1.000$, ống cấp II sẽ đấu nối vào các tuyến ống cấp I, thiết kế theo mạng vòng bao trùm các khu tiêu thụ. Các tuyến ống chính đặt theo các đường phố lớn, hướng từ nguồn nước và chạy dọc khu quy hoạch. Mạng cấp III đấu nối vào mạng cấp II, phân phối trực tiếp đến người tiêu thụ. Sử dụng các tuyến ống đã có, thay thế các tuyến không thể sử dụng, đồng thời xây mới mạng cấp III đang thiếu.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: các trụ chữa cháy được bố trí trên các tuyến cấp III. Ngoài ra, khi có sự cố cháy, có thể bổ sung nước từ các kênh, rạch gần đó.

- Lưu ý:

+ Khoảng cách trụ cứu hỏa cần thiết kế phù hợp với TCVN 2622-1995.

+ Theo Quy định 351/QĐ-TCT-KTCN, mạng cấp II có đường kính $350 \leq \text{Ø} < 600$, mạng cấp III $\text{Ø} < 350$.

+ Đường có chiều rộng $> 6\text{m}$ phải bố trí ống cấp nước 2 bên đường.

5.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bản:

+ Chỉ tiêu, thông số kỹ thuật thoát nước bản:

- Thoát nước sinh hoạt: 180 - 200 lít/người/ngày.

- Thoát nước dịch vụ công cộng: 40 lít/người/ngày.

- Thoát nước khách vãng lai: 35 lít/người/ngày.

- Thoát nước công nghiệp tập trung: 50 lít/người/ngày.

- Thoát nước tiểu thủ công nghiệp: 15 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước bản lớn nhất toàn khu: $Q_{\max(\text{mùa khô})2020} = 185.436 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và $Q_{\max(\text{mùa mưa})2020} = 213.965 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Phương án thoát nước bản:

- Thiết kế hệ thống thoát nước bản trong khu quy hoạch: Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho khu quy hoạch. Đối với nước thải sản xuất khu công nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn loại A.

- Giai đoạn trước năm 2020: xây dựng bể tự hoại tại từng hộ dân và xử lý cục bộ trước khi thoát vào cống, ra kênh rạch. Xây dựng các hệ thống thu gom nước bản, cống bao, trạm xử lý theo tiến độ các dự án cải thiện vệ sinh và nâng cấp đô thị của lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm.

- Giai đoạn hoàn chỉnh sau năm 2020: nước thải bản được tách ra khỏi cống chung bằng giếng tách dòng và thoát vào cống bao. Tập trung nước thải về nhà máy xử lý của 2 lưu vực đặt tại công viên Tân Thắng và tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Chỉ tiêu, thông số kỹ thuật rác thải:

- Rác thải sinh hoạt: 1 - 1,2 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt: 385 - 558 tấn/ngày.

- Rác thải công nghiệp: 0,5 tấn/ha/ngày và tổng lượng rác thải công nghiệp: 78 - 100 tấn/ngày.

5.6. Quy hoạch tổng hợp đường dây, đường ống:

Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

6. Việc quản lý quy hoạch trên địa bàn quận Tân Phú cần lưu ý một số điểm sau:

+ Dựa vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận và đồ án quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cần phối hợp với các Sở ngành thành phố có liên quan để lập danh mục các dự án, chương trình đầu tư, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm hiện thực hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng.

+ Các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cũng như các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn đầu (2008 - 2010) cần chú ý xác định ranh giới, quy mô sử dụng đất phù hợp, hạn chế di dời giải tỏa và gây xáo trộn tại những khu vực dân cư hiện hữu ổn định.

+ Trong định hướng phát triển đô thị cho giai đoạn ngắn hạn cũng như giai đoạn

dài hạn, cần nghiên cứu đánh giá kỹ hiện trạng để có giải pháp khoét lỗm, kết hợp dự án hạ tầng kỹ thuật và các nhà xưởng di dời để xây dựng các khu nhà ở cao tầng nhằm giảm mật độ xây dựng, tăng đất công viên cây xanh, công trình công cộng để từng bước đạt được các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc trong quy hoạch chung xây dựng đã xác định.

+ Các công trình xây dựng cao tầng trên địa bàn quận Tân Phú cần đảm bảo theo Quyết định số 100/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố và ý kiến của Cục Cảnh Hàng không.

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng